bēi jù

悲剧

Noun · tragedy

Example Sentences

wū hū zhè zhēn shì gè bēi jù
呜呼，这 真 是个悲剧！

Alas, this is truly a tragedy

zhè shì yí gè lìng rén xīn suì de bēi jù
这是一个令人心碎的悲剧。

This is a heartbreaking tragedy.

nán dào nǐ bú wèi zhè qǐ bēi jù gǎn dào yì sī bēi tòng ma
难 道 你不为 这起悲剧感 到一丝悲 痛 吗？

Don't you feel even a hint of sorrow for this tragedy?

Trace each character, then write the word on your own.

悲 悲 悲 悲 悲 悲 悲 悲 悲 悲 悲

悲 悲 悲 悲

剧 剧 剧 剧 剧 剧 剧 剧 剧 剧 剧

剧 剧